

**CHÍNH SÁCH NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GIÁ THÀNH HỢP LÝ
GIAI ĐOẠN 2025-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTKT ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Thiết lập các nguyên tắc và định hướng quản lý nhằm sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm và bền vững trong toàn Trường.
2. Bảo đảm các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản trị và phục vụ cộng đồng được duy trì trên cơ sở khai thác, sử dụng năng lượng an toàn, ổn định và hiệu quả.
3. Tăng cường áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, giảm chi phí vận hành và hạn chế tác động đến môi trường.
4. Khuyến khích phát triển, ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo và công nghệ thân thiện với môi trường trong phạm vi hoạt động của Nhà trường.
5. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người học, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đối với việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
6. Góp phần thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 7 của Liên Hiệp Quốc về Năng lượng sạch và giá thành hợp lý.

Điều 2. Căn cứ xây dựng chính sách

Chính sách này được xây dựng trên cơ sở:

1. Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Luật số: 77/2025/QH15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
3. Luật số 61/2024/QH15 của Quốc hội: Luật Điện lực.
4. Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Bảo vệ môi trường
5. Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương giai đoạn 2025-2030.
6. Bộ Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (SDGs), trong đó SDG 7 về Năng lượng sạch và giá thành hợp lý.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

Chính sách này được áp dụng đối với toàn bộ hoạt động của Nhà trường bao gồm:

1. Hoạt động đào tạo.
2. Hoạt động nghiên cứu khoa học.
3. Hoạt động phục vụ cộng đồng.
4. Hoạt động quản trị và vận hành Nhà trường.
5. Hoạt động đầu tư, nâng cấp và khai thác cơ sở vật chất.
6. Các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế liên quan đến sử dụng năng lượng và phát triển bền vững.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

1. Người học.
2. Học viên và nghiên cứu sinh (nếu có).
3. Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên toàn Trường.
4. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Nhà trường.

Chương II: QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH

Điều 5. Quan điểm và định hướng thực hiện

1. Năng lượng là nguồn lực thiết yếu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản trị và phát triển của Nhà trường.
2. Việc sử dụng năng lượng phải bảo đảm an toàn, hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Công tác quản lý năng lượng là trách nhiệm của toàn thể đơn vị và cá nhân trong Nhà trường.
4. Ưu tiên đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải ra môi trường.
5. Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, các thiết bị tiết kiệm năng lượng và các mô hình quản lý năng lượng tiên tiến.
6. Gắn việc sử dụng năng lượng bền vững với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Điều 6. Mục tiêu của chính sách

1. Bảo đảm cung cấp năng lượng phục vụ hoạt động của Nhà trường

Bảo đảm hệ thống hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, làm việc và sinh hoạt trong toàn Trường.

2. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng

Thực hiện các giải pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm mức tiêu thụ năng lượng, hạn chế lãng phí trong quá trình vận hành và sử dụng cơ sở vật chất.

3. Thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo

Từng bước mở rộng việc ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo và công nghệ thân thiện với môi trường trong khuôn viên Nhà trường.

4. Giảm tác động môi trường từ hoạt động sử dụng năng lượng

Thực hiện các biện pháp góp phần giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

5. Nâng cao nhận thức

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hành sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đối với người học, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

6. Gắn kết đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng

Khuyến khích các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng liên quan đến năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và phát triển bền vững.

Chương III: NỘI DUNG THỰC HIỆN

Điều 7. Quản lý và sử dụng năng lượng

1. Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống điện, chiếu sáng và các thiết bị sử dụng năng lượng bảo đảm an toàn, ổn định và hiệu quả.

2. Theo dõi, thống kê và đánh giá định kỳ mức tiêu thụ điện năng tại các đơn vị và cơ sở đào tạo.

3. Thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống điện và các thiết bị sử dụng năng lượng nhằm hạn chế thất thoát và nâng cao hiệu quả vận hành.

4. Khuyến khích sử dụng các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, thiết bị tiết kiệm điện và công nghệ quản lý năng lượng phù hợp.

5. Các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm sử dụng điện năng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; không sử dụng điện gây lãng phí hoặc vượt nhu cầu thực tế.

Điều 8. Phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo

1. Nhà trường khuyến khích nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các giải pháp năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực.

2. Ưu tiên xem xét lắp đặt và khai thác các hệ thống điện mặt trời, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời và các công nghệ năng lượng sạch khác khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả đầu tư.

3. Khuyến khích các đơn vị lồng ghép nội dung thực hành, trải nghiệm và nghiên cứu về năng lượng tái tạo trong các hoạt động chuyên môn.

4. Từng bước gia tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng sạch trong các hoạt động của Nhà trường.

5. Trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thay thế và nâng cấp trang thiết bị, Nhà trường ưu tiên lựa chọn các thiết bị có hiệu suất sử dụng năng lượng cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường; hạn chế đầu tư các thiết bị có mức tiêu thụ năng lượng lớn hoặc phụ thuộc chủ yếu vào nguồn năng lượng hóa thạch khi có giải pháp thay thế phù hợp.

6. Trong quá trình đầu tư xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp cơ sở vật chất, Nhà trường xem xét lồng ghép các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu thụ điện năng và giảm tác động đến môi trường phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực.

Điều 9. Thực hành sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Thực hiện các biện pháp quản lý nhằm giảm tiêu thụ điện năng trong các tòa nhà, phòng học, phòng làm việc và các khu vực chức năng.

2. Khuyến khích tận dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên phù hợp với điều kiện sử dụng.

3. Thực hiện tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; sử dụng hợp lý hệ thống điều hòa không khí, chiếu sáng và các thiết bị tiêu thụ điện năng khác.

4. Từng bước thay thế các thiết bị có hiệu suất thấp bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng theo kế hoạch đầu tư của Nhà trường.

5. Các nội dung sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được phổ biến thường xuyên đến người học, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

Điều 10. Hoạt động đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức

1. Lồng ghép nội dung về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và phát triển bền vững trong các học phần phù hợp.

2. Tổ chức định kỳ các hoạt động tập huấn, truyền thông, hội thảo, tọa đàm và chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức của người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và các đối tác về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, năng lượng sạch và phát triển bền vững.

3. Hưởng ứng các chiến dịch, sự kiện trong nước và quốc tế về tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

4. Khuyến khích người học tham gia các hoạt động truyền thông, cuộc thi học thuật và sáng kiến về sử dụng năng lượng hiệu quả.

Điều 11. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

1. Khuyến khích thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu liên quan đến năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững.

2. Khuyến khích công bố khoa học, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, mở rộng khả năng tiếp cận năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và giảm phát thải khí nhà kính.

3. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức trong các hoạt động nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao tri thức liên quan đến năng lượng sạch và giá thành hợp lý.

4. Khuyến khích người học tham gia các chương trình phục vụ cộng đồng, tuyên truyền và hỗ trợ các hoạt động sử dụng năng lượng hiệu quả tại địa phương.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đơn vị chủ trì

Phòng Cơ sở vật chất là đơn vị đầu mối tham mưu, tổ chức triển khai, theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện Chính sách Năng lượng sạch và giá thành hợp lý trong toàn Trường.

Điều 13. Đơn vị phối hợp

1. Phòng Tổ chức - Hành chính.
2. Phòng Quản lý đào tạo.
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
4. Phòng Công tác sinh viên.
5. Phòng NCKH và Hợp tác quốc tế.
6. Các Khoa, Trung tâm.
7. Đoàn Thanh niên.
8. Hội Sinh viên.

Điều 14. Nguồn lực thực hiện

1. Nguồn lực tài chính: Ngân sách thường xuyên của Nhà trường; Nguồn tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế.

2. Nguồn lực nhân sự: Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; Người học; Chuyên gia, nhà khoa học; Các đối tác hợp tác có liên quan.

3. Nguồn lực cơ sở vật chất: Hệ thống điện và chiếu sáng; Hệ thống quản lý năng lượng; Các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng; Hệ thống năng lượng tái tạo (nếu có); Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

Chương V: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN

Điều 15. Chỉ số theo dõi và đánh giá

Nhà trường thực hiện theo dõi tối thiểu các chỉ số:

1. Tổng mức tiêu thụ điện năng hằng năm.
2. Mức tiêu thụ điện năng bình quân trên đầu người.
3. Tỷ lệ thiết bị tiết kiệm năng lượng được đưa vào sử dụng.
4. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng mức tiêu thụ năng lượng của Nhà trường (nếu có).
5. Số lượng hoạt động truyền thông, tập huấn hoặc hội thảo về năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả.
6. Số lượng đề tài nghiên cứu, dự án hoặc sáng kiến liên quan đến năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả.
7. Mức độ tham gia của người học và người lao động trong các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 16. Tổ chức theo dõi và giám sát

1. Các đơn vị thực hiện thu thập dữ liệu, lưu trữ hồ sơ và minh chứng liên quan đến việc sử dụng năng lượng.
2. Kết quả thực hiện được tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm gửi đơn vị đầu mối.
3. Các nội dung liên quan đến năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả được lồng ghép trong báo cáo phát triển bền vững, báo cáo quản trị và các báo cáo chuyên đề của Nhà trường.

Điều 17. Rà soát, đánh giá và cải tiến

1. Chính sách được rà soát tối thiểu 01 lần trong năm học.
2. Đánh giá giữa kỳ vào năm 2027.
3. Đánh giá tổng thể vào năm 2030.
4. Chính sách được xem xét điều chỉnh khi có thay đổi về quy định pháp luật, chiến lược phát triển của Nhà trường hoặc các yêu cầu mới từ các tổ chức kiểm định, xếp hạng và các bên liên quan.